

## **Phần thứ hai. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU**

### **Chương V. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU**

---

#### **I. Giới thiệu về gói thầu**

##### **1. Khái quát về dự án**

- Tên dự án: Mua sắm, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các tòa nhà A, B, C, D, số 35 Đại Cồ Việt và tòa nhà D25 Tôn Thất Thuyết.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nguồn vốn: Chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025

- Địa điểm xây dựng: Trụ sở cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo tại số 35 Đại Cồ Việt, P. Bạch Mai, TP. Hà Nội; và trụ sở cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tòa nhà D25 Tôn Thất Thuyết, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

- Thời gian thực hiện dự án: năm 2025.

##### **1.2. Giới thiệu về gói thầu.**

- Tên gói thầu: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị

- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị

- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.

- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Giá gói thầu: 10.003.122.771 đồng.

Thuế giá trị gia tăng trong giá gói thầu được tính theo tỷ lệ 8%,

- Dự toán gói thầu: 10.003.122.000 đồng.

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 40 ngày.

#### **II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

##### **1. Khởi công và hoàn thành**

a) Thời gian khởi công và hoàn thành:

- Nhà thầu phải khởi công chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày có thông báo của chủ đầu tư.

- “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

##### **2. Thời gian làm việc**

Phù hợp với biện pháp thi công và thời hạn hoàn thành công trình. Tuy nhiên nhà thầu phải đảm bảo được điều kiện tối thiểu cho người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

### 3. Tiến độ thi công

Tiến độ thi công của Nhà thầu phải thể hiện được:

- Tổng tiến độ thi công: Thời hạn hoàn thành công trình, sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công;
- Biểu đồ huy động nhân lực;
- Tiến độ phải phù hợp với biện pháp thi công đề xuất.

Do đặc thù của nguồn vốn hành chính sự nghiệp phải hoàn thành và thanh toán trong năm 2025, nhà thầu cần có giải pháp về tiến độ để bảo đảm nghiệm thu hoàn thành không muộn hơn ngày 31/12/2025. Trường hợp đến ngày 31/12/2025 dự án không được nghiệm thu đưa vào sử dụng, chủ đầu tư sẽ không thanh toán đối với phần khối lượng thực hiện sau thời điểm này.

### III. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật

**1. Yêu cầu về cung cấp, lắp đặt hàng hóa là các hệ thống thiết bị công trình; chủng loại, chất lượng vật tư, vật liệu đưa vào sử dụng trong gói thầu**

#### 1.1. Yêu cầu chung

- Hồ sơ thiết kế được Chủ đầu tư phê duyệt là một thành phần của E-HSMT, được Chủ đầu tư đính kèm thông báo mời thầu.

- Khi đề xuất hàng hóa, vật tư, vật liệu sử dụng cho gói thầu, nhà thầu chỉ được phép chào một phương án duy nhất cho mỗi loại, bao gồm: một hãng sản xuất, một ký/mã hiệu (nếu có), một nhãn hiệu và một xuất xứ.

Trường hợp nhà thầu đề xuất từ hai hãng sản xuất hoặc hai nhãn hiệu hoặc hai ký/mã hiệu hoặc hai xuất xứ khác nhau trở lên cho cùng một loại hàng hóa, vật tư, vật liệu, thì hồ sơ dự thầu sẽ được xem là đặt ra các điều kiện mang tính hạn chế hoặc không hoàn toàn chấp nhận yêu cầu của E-HSMT, và do đó không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Nhà thầu phải đề xuất cụ thể và duy nhất một ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

#### 2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể của hàng hóa được nêu tại mục I Mẫu số 01B Chương IV E-HSMT

- Các hàng hóa mà nhà thầu đề xuất theo nội dung tại Mẫu số 10B Chương IV E-HSMT phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về thông số, đặc tính kỹ thuật được nêu tại mục này và các yêu cầu trong hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật được đính kèm cùng E-HSMT. Bất kỳ nhãn hiệu, mã hiệu (nếu có) trong hồ sơ thiết kế hoặc chỉ dẫn kỹ thuật được đính kèm E-HSMT chỉ dùng để tham khảo, minh họa cho yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa, không nhằm mục đích làm hạn chế nhà thầu và được hiểu là “trương đương”. Trương đương nghĩa là tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ.

- Nội dung yêu cầu về thông số kỹ thuật của các thiết bị trong hồ sơ thiết kế được đính kèm E-HSMT là yêu cầu tối thiểu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng khác, các nhãn hiệu hàng hóa khác, miễn là Nhà thầu có thể chứng minh cho Chủ đầu tư chấp thuận rằng những thay thế đó vẫn đảm bảo tính tương đương hoặc thậm chí cao hơn so với các quy định trong hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật.

- Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa bao gồm:

+ Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, nhà sản xuất và các thông tin khác theo mẫu được quy định trong mục này;

+ Cam kết hàng hoá chào thầu phải mới 100%.

+ Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) đối với hàng hoá nhập khẩu khi giao hàng.

+ Catalogue, tài liệu kỹ thuật được lấy từ các Website của hãng của nhà sản xuất (ghi cụ thể đường link website) để chứng minh tính đáp ứng đầy đủ về yêu cầu kỹ thuật, tính năng sử dụng của hàng hóa, thiết bị theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. Trường hợp trong catalogue, tài liệu kỹ thuật không đầy đủ thông số kỹ thuật, tính năng theo yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu có đủ thông số kỹ thuật có xác nhận của Nhà sản xuất hoặc Văn phòng đại diện của nhà sản xuất tại Việt Nam (đính kèm E-HSMT) để chứng minh đầy đủ tính đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật.

- Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa nếu sử dụng bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt của cơ sở dịch thuật hợp pháp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung bản dịch so với bản gốc và tính pháp lý của tài liệu này.

- Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị đề xuất cho gói thầu theo Mẫu sau:

**BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA THIẾT BỊ CHÀO THẦU**

STT	Danh mục thiết bị <sup>(1)</sup>	Ký mã hiệu <sup>(2)</sup>	Nhãn hiệu <sup>(3)</sup>	Năm sản xuất <sup>(4)</sup>	Xuất xứ (Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ) <sup>(5)</sup>	Hãng sản xuất <sup>(6)</sup>	Thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu <sup>(7)</sup>	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ; Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa, thiết bị; xuất xứ (nếu có) theo yêu cầu của thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật <sup>(8)</sup>	Tài liệu tham chiếu <sup>(9)</sup>
									trang số ... (bảng số...), Catalogue, file xx.pdf,...;

**Ghi chú:**

(1): Dẫn chiếu theo nội dung danh mục tại mục I Mẫu số 01D Chương IV E-HSMT.

(2), (3), (4), (5), (6): Nhà thầu kê khai đầy đủ các thông tin về thiết bị chào thầu tương ứng với các nội dung được yêu cầu trong E-HSMT và Hồ sơ thiết kế đính kèm. Nhà thầu phải ghi thông tin cụ thể về thiết bị đề xuất sử dụng cho gói thầu, chỉ được đề xuất 01 ký/mã hiệu cho mỗi loại thiết bị, không được ghi “hoặc tương đương”.

(7): Nhà thầu kê khai đầy đủ các nội dung của thiết bị chào thầu tương ứng với các yêu cầu kỹ thuật của thiết bị tương ứng được quy định tại Hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm.

(8): Nhà thầu dẫn chiếu đầy đủ các yêu cầu về tại Hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm.

(9): Nhà thầu phải dẫn chứng tại trang nào, phần nào, mục nào, tài liệu nào của E-HSMT đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong HSMT, để Tổ chuyên gia tham chiếu khi xem xét đánh giá HSMT. Trường hợp nhà thầu không trình bày đầy đủ thông

tin theo yêu cầu nêu trên, Tổ chuyên gia có quyền không xem xét đề xuất của nhà thầu do không có thông tin, căn cứ, tài liệu để xem xét, đánh giá. Tổ chuyên gia có quyền kiểm chứng lại các nội dung do nhà thầu đề xuất trên website của nhà sản xuất/đại lý phân phối được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất để xem xét. Nếu Tổ chuyên gia không tìm thấy các thông tin về hàng hóa trên website hoặc có thông tin nhưng các thông tin này sai lệch về kỹ thuật so với tài liệu do nhà thầu cung cấp trong HSDT dẫn đến không đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu thì nhà thầu phải chấp nhận kết quả đánh giá của Tổ chuyên gia.

Trường hợp các thiết bị nhà thầu đề xuất không đầy đủ các yêu cầu nêu trên thì thiết bị đó sẽ được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Đối với bảng này, để thuận tiện cho quá trình đánh giá E-HSDT, trong E-HSDT Nhà thầu cần cung cấp các file định dạng .doc/docx/xls/xlsx để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa dự thầu với yêu cầu của HSMT.

Các tài liệu tham chiếu của hàng hóa chào thầu được đính kèm hồ sơ dự thầu nhà thầu phải ưu tiên tối đa sử dụng các file mềm tài liệu gốc là file có định dạng .pdf gốc (không sử dụng hoặc hạn chế tối đa sử dụng các file scan từ bản cứng/scan từ bản in) do vấn đề dung lượng và chất lượng hiển thị cũng như các hạn chế về tiếp cận nội dung rất khó khăn của bản scan từ bản cứng/scan từ bản in. Trong tài liệu kỹ thuật/catalogue thiết bị phải đánh dấu (highlight) các nội dung về thông số kỹ thuật mà thiết bị đáp ứng các tiêu chí tương ứng trong hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm E-HSMT.

Nhà thầu đính kèm các tài liệu liên quan theo nguyên tắc: [Tên nhà thầu (có thể viết tắt)\_Tên hãng (viết ngắn gọn)\_Loại văn bản (catalog/CFS/ISO/Ủy quyền/GPNK...)\_Số của văn bản (nếu có) hoặc Số thứ tự của file (nếu có nhiều văn bản cùng chung các thông tin.)].

**\* Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa thuộc phạm vi gói thầu được thể hiện theo bảng dưới đây:**

Stt	Tên hàng hóa	Thông số yêu cầu kỹ thuật
<b>A</b>	<b>Hàng hóa lắp đặt tại trụ sở cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo số 35 phố Đại Cồ Việt</b>	
1	Máy lọc nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất lạnh khoảng: 210W (<math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Công suất nóng khoảng: 750W (<math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> <li>- Công suất nóng: 750W</li> <li>- Công suất lạnh: 210W</li> <li>- Khoang chứa nước nóng: Có</li> <li>- Khoang chứa nước lạnh: Có</li> <li>- Vòi lấy nước: 3 vòi vật tay cơ</li> <li>- Máy lọc nước tinh khiết: R.O</li> <li>- Kích thước vỏ máy: 41x42x127cm chất liệu bằng Inox 304.</li> </ul>
2	Điều hòa không khí cục bộ, dàn lạnh gắn tường 18.000 Btu/h – 1 chiều, Inverter	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất lạnh: 18.000 Btu/h</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> <li>- Công suất điện tiêu thụ khoảng: 1800W</li> <li>- Độ ồn: 44 dBA dàn lạnh</li> <li>- Độ ồn: 50 dBA dàn nóng</li> <li>- Ống dẫn môi chất làm lạnh: Bằng đồng <math>\varnothing 6.4 \times \varnothing 12.7</math></li> <li>- Môi chất lạnh: R410a hoặc R32</li> </ul>
3	Màn hình Led cố định lắp đặt trong nhà, kích thước: 1920x2880mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ phân giải: 1152x1728 pixel</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> <li>- Khoảng cách điểm ảnh: 1.66mm</li> <li>- Cấu hình điểm ảnh: RGB – Công nghệ SMD</li> <li>- Cường độ sáng màn hình: 600cd/m<sup>2</sup></li> <li>- Tuổi thọ màn hình khoảng: 10.000 giờ</li> <li>- Tần số làm mới: 3840Hz</li> <li>- Card tín hiệu: Sử dụng 18 bit mã hóa xử lý; Số điểm ảnh có thể quản lý trên mỗi Card: 256x768 pixels, điện áp hoạt động 5V</li> <li>- Bộ điều khiển màn hình: Input: DVI*1, HDMI*2, USB*1/ Output: RJ45*4, Audio*1/ Control: USB – CFG*1, COM*1.</li> </ul>
4	Màn hình Led cố định lắp đặt trong nhà, kích thước: 2560x3520mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ phân giải: 1280x1760 pixel</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> </ul>

Stt	Tên hàng hóa	Thông số yêu cầu kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoảng cách điểm ảnh: 1.66mm</li> <li>- Cấu hình điểm ảnh: RGB – Công nghệ SMD</li> <li>- Cường độ sáng màn hình: 600cd/m2</li> <li>- Tuổi thọ màn hình khoảng: 10.000 giờ</li> <li>- Tần số làm mới: 3840Hz</li> <li>- Card tín hiệu: Sử dụng 18 bit mã hóa xử lý; Số điểm ảnh có thể quản lý trên mỗi Card: 256x768 pixels, điện áp hoạt động 5V</li> <li>- Bộ điều khiển màn hình: Input: DVI*1, HDMI*2, USB*1/ Output: RJ45*4, Audio*1/ Control: USB – CFG*1, COM*1.</li> </ul>
<b>B</b>	<b>Hàng hóa lắp đặt tại trụ sở cơ quan Bộ Giao dục và Đào tại Tòa nhà D25 phố Tôn Thất Thuyết</b>	
1	Điều hòa cục bộ dàn lạnh Cassette âm trần, 1 chiều, công suất: 3.8kW – không Inverter	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất lạnh: 3.8kw</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> <li>- Công suất điện khoảng: 1.24kW</li> <li>- Độ ồn: 31 dBA dàn lạnh</li> <li>- Độ ồn: 49 dBA dàn nóng</li> <li>- Hiệu suất là lạnh COP: 3.07</li> <li>- Ống dẫn môi chất làm lạnh: Bằng đồng Ø6.4xØ12.7</li> <li>- Môi chất lạnh: R410a hoặc R32</li> <li>- Bơm nước ngưng: Có</li> </ul>
2	Điều hòa cục bộ dàn lạnh Cassette âm trần, 1 chiều, công suất: 5.3kW – không Inverter	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất lạnh: 5.3kw</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> <li>- Công suất điện khoảng: 1.89kW</li> <li>- Độ ồn: 31 dBA dàn lạnh</li> <li>- Độ ồn: 51 dBA dàn nóng</li> <li>- Hiệu suất là lạnh COP: 2.8</li> <li>- Ống dẫn môi chất làm lạnh: Bằng đồng Ø6.4xØ12.7</li> <li>- Môi chất lạnh: R410a hoặc R32</li> <li>- Bơm nước ngưng: Có</li> </ul>
3	Điều hòa cục bộ dàn lạnh Cassette âm trần, 1 chiều, công suất: 6.2kW – không Inverter	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất lạnh: 6.2kw</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> <li>- Công suất điện khoảng: 2.21kW</li> <li>- Độ ồn: 35 dBA dàn lạnh</li> <li>- Độ ồn: 52 dBA dàn nóng</li> <li>- Hiệu suất là lạnh COP: 2.8</li> </ul>

Stt	Tên hàng hóa	Thông số yêu cầu kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống dẫn môi chất làm lạnh: Bằng đồng Ø6.4xØ15.9</li> <li>- Môi chất lạnh: R410a hoặc R32</li> </ul>
4	Điều hòa cục bộ dàn lạnh Cassette âm trần, 1 chiều, công suất: 7.6kW – không Inverter	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất lạnh: 7.6kw</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> <li>- Công suất điện khoảng: 2.53kW</li> <li>- Độ ồn: 35 dBA dàn lạnh</li> <li>- Độ ồn: 54 dBA dàn nóng</li> <li>- Hiệu suất là lạnh COP: 3.0</li> <li>- Ống dẫn môi chất làm lạnh: Bằng đồng Ø9.5xØ15.9</li> <li>- Môi chất lạnh: R410a hoặc R32</li> <li>- Bơm nước ngưng: Có</li> </ul>
5	Điều hòa cục bộ dàn lạnh Cassette âm trần, 1 chiều, công suất: 8.8kW – không Inverter	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất lạnh: 8.8kw</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> <li>- Công suất điện khoảng: 2.73kW</li> <li>- Độ ồn: 43 dBA dàn lạnh</li> <li>- Độ ồn: 55 dBA dàn nóng</li> <li>- Hiệu suất là lạnh COP: 3.22</li> <li>- Ống dẫn môi chất làm lạnh: Bằng đồng Ø9.5xØ15.9</li> <li>- Môi chất lạnh: R410a hoặc R32</li> <li>- Bơm nước ngưng: Có</li> </ul>
6	Điều hòa cục bộ dàn lạnh Cassette âm trần, 1 chiều, công suất: 10.6kW – không Inverter	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất lạnh: 10.6kw</li> <li>- Điện áp: 1 pha/220V/50HZ</li> <li>- Công suất điện khoảng: 3.31kW</li> <li>- Độ ồn: 43 dBA dàn lạnh</li> <li>- Độ ồn: 54 dBA dàn nóng</li> <li>- Hiệu suất là lạnh COP: 3.20</li> <li>- Ống dẫn môi chất làm lạnh: Bằng đồng Ø9.5xØ15.9</li> <li>- Môi chất lạnh: R410a hoặc R32</li> <li>- Bơm nước ngưng: Có</li> </ul>
7	Bơm chìm nước thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Q=10m<sup>3</sup>/h;</li> <li>- H=10m</li> </ul>

*Ghi chú: Trường hợp có sự sai khác về yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa giữa E-HSMT và Hồ sơ thiết kế đính kèm thì yêu cầu trong Hồ sơ thiết kế và căn cứ để nhà thầu chào thầu và Tổ chuyên gia đánh giá E-HSMT.*

### ***1.3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, vật liệu***

- Vật tư, vật liệu đưa vào thi công cho công trình phải mới 100%, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng;

- Tất cả các loại vật tư, vật liệu dùng cho công trình phải đúng chủng loại, chất lượng như yêu cầu của hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật.

- Tất cả các vật tư, thiết bị đều phải được kiểm nghiệm đạt yêu cầu trước khi đưa vào sử dụng.

- “Tương đương” theo yêu cầu với sản phẩm, hàng hóa nêu trong E-HSMT nghĩa là tương tự về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng với nội dung so sánh.

- Trường hợp trong chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế hoặc E-HSMT có nêu nhãn hiệu, Catalogue hoặc xuất xứ của một sản phẩm cụ thể là chỉ để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của vật tư/vật liệu hoặc thiết bị. Nhà thầu phải lựa chọn vật tư/vật liệu tương đương với sản phẩm đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng.

- Chứng nhận chất lượng/Catalogue/tài liệu kỹ thuật... của các vật tư/vật liệu theo yêu cầu mà Nhà thầu phải gửi kèm E-HSMT để chứng minh sản phẩm mà nhà thầu đề xuất đáp ứng hoàn toàn thông số kỹ thuật theo quy định của hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, phải thể hiện rõ chủng loại, đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất/tiêu chuẩn chế tạo; đối với sản phẩm chế tạo sẵn hoặc thiết bị phải thể hiện rõ kiểu dáng, màu sắc, kích thước, vật liệu chế tạo... Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài (nếu có) phải được dịch thuật sang tiếng Việt). Nhà thầu phải đánh dấu (highlight) các nội dung về thông số kỹ thuật mà vật tư, vật liệu đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật tương ứng trong hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm E-HSMT.

- Nhà thầu phải có bảng kê khai chủng loại vật tư, vật liệu dùng cho gói thầu theo Mẫu sau:

**BẢNG KÊ KHAI QUI CÁCH, XUẤT XỨ CÁC LOẠI VẬT TƯ, VẬT LIỆU DÙNG CHO GÓI THẦU**

STT	Tên vật tư, vật liệu <sup>(1)</sup>	Đơn vị tính <sup>(2)</sup>	Ký mã hiệu <sup>(3)</sup>	Nhãn hiệu, Nhà sản xuất <sup>(4)</sup>	Xuất xứ <sup>(5)</sup>	Thông số kỹ thuật chủ yếu, xuất xứ (nếu có) theo yêu cầu của thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật <sup>(6)</sup>	Thông số kỹ thuật chủ yếu, xuất xứ (nếu có) do Nhà thầu đề xuất <sup>(7)</sup>	Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn áp dụng <sup>(8)</sup>	Tài liệu chứng minh kèm theo <sup>(9)</sup>
1									
2									
...									

**Ghi chú:**

(1): Nhà thầu liệt kê đầy đủ các vật tư, vật liệu chính thuộc các nhóm theo nội dung tại Bảng vật tư, vật liệu chính nhà thầu phải đề xuất trong E-HSDT dưới đây.

(2), (3), (4), (5), (7), (8): Nhà thầu kê khai đầy đủ các thông tin về vật tư, vật liệu chào thầu tương ứng với các nội dung được yêu cầu trong Hồ sơ thiết kế đính kèm. Trường hợp vật tư, vật liệu đã được nhà sản xuất công bố cụ thể ký/mã hiệu thì nhà thầu phải chào cụ thể và duy nhất 01 ký/mã hiệu, nhãn hiệu, nhà sản xuất và xuất xứ đề xuất sử dụng cho gói thầu, không được ghi “hoặc tương đương”.

(6): Nhà thầu dẫn chiếu đầy đủ các yêu cầu về vật tư, vật liệu tại Hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm.

(9): Nhà thầu phải dẫn chứng tại trang nào, phần nào, mục nào, tài liệu nào của E-HSDT đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong HSMT, để Tổ chuyên gia tham chiếu khi xem xét đánh giá HSDT. Trường hợp nhà thầu không trình bày đầy đủ thông tin theo yêu cầu nêu trên, Tổ chuyên gia có quyền không xem xét đề xuất của nhà thầu do không có thông tin, căn cứ, tài liệu để xem xét, đánh giá. Tổ chuyên gia có quyền kiểm chứng lại các nội dung do nhà thầu đề xuất trên website của nhà sản xuất/đại lý phân phối được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất để xem xét. Nếu Tổ chuyên gia không tìm thấy các thông tin về hàng hóa trên website hoặc có thông tin nhưng các thông tin này sai lệch về kỹ thuật so với tài liệu do nhà thầu cung cấp trong HSDT dẫn đến không đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu thì nhà thầu phải chấp nhận kết quả đánh giá của Tổ chuyên gia.

Trường hợp các vật tư, vật liệu nhà thầu đề xuất không đầy đủ theo các yêu cầu nêu trên thì vật tư, vật liệu đó sẽ không được

xem xét, đánh giá. Đề xuất kỹ thuật của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Đối với bảng này, để thuận tiện cho quá trình đánh giá E-HSDT, trong E-HSDT Nhà thầu cần cung cấp các file định dạng .doc/docx/xls/xlsx để chứng minh tính đáp ứng của vật tư, vật liệu dự thầu với yêu cầu của HSMT.

Các tài liệu tham chiếu của vật tư, vật liệu chào thầu được đính kèm hồ sơ dự thầu nhà thầu phải ưu tiên tối đa sử dụng các file mềm tài liệu gốc là file có định dạng .pdf gốc (không sử dụng hoặc hạn chế tối đa sử dụng các file scan từ bản cứng/scan từ bản in) do vấn đề dung lượng và chất lượng hiển thị cũng như các hạn chế về tiếp cận nội dung rất khó khăn của bản scan từ bản cứng/scan từ bản in. Trong tài liệu kỹ thuật/catalogue... phải đánh dấu (highlight) các nội dung về đề xuất kỹ thuật đáp ứng các tiêu chí tương ứng trong hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm E-HSMT.

Nhà thầu đính kèm các tài liệu liên quan theo nguyên tắc: [Tên nhà thầu (có thể viết tắt)\_Tên hãng (viết ngắn gọn)\_Loại văn bản (catalog/CFS/ISO/Ủy quyền/GPNK...)\_Số của văn bản (nếu có) hoặc Số thứ tự của file (nếu có nhiều văn bản cùng chung các thông tin.)].

**Danh mục vật tư, vật liệu chính yêu cầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu**

<b>STT</b>	<b>Tên vật tư, vật liệu</b>
<b>A</b>	<b>Phần xây dựng</b>
1	Xi măng
2	Cát các loại
3	Vật liệu chống thấm
4	Gạch xây các loại
5	Gạch, đá ốp lát các loại
6	Sơn nội thất, sơn ngoại thất các loại
7	Trần, vách ngăn các loại
8	Cửa các loại và phụ kiện
9	Tôn lợp
<b>B</b>	<b>Phần cấp thoát nước</b>
1	Thiết bị vệ sinh các loại
2	Đường ống cấp nước các loại và phụ kiện
3	Đường ống thoát nước các loại và phụ kiện
<b>C</b>	<b>Hệ thống điện</b>
1	Cáp điện các loại
2	Dây điện mềm, dây đôi, dây âm tường các loại
3	Ống luồn dây các loại
4	Tủ điện các loại
5	Thiết bị đóng cắt
6	Đèn chiếu sáng các loại
7	Công tắc, ổ cắm, mặt che
<b>D</b>	<b>Hệ thống điều hòa không khí</b>
1	Bảo ôn đường ống các loại
2	Ống đồng các loại
3	Ống luồn dây các loại

**Ghi chú:**

Danh mục các nhóm vật tư, vật liệu nêu trên mang tính chất tổng quát, có tính định hướng nhằm hỗ trợ nhà thầu trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu đầy đủ hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các tài

liệu liên quan trong E-HSMT để đề xuất đầy đủ, chính xác danh mục vật tư, vật liệu chính sử dụng cho gói thầu.

Danh mục vật tư, vật liệu mà Nhà thầu đề xuất trong E-HSMT có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung liệt kê trên, tuy nhiên phải đầy đủ và phù hợp với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

Ví dụ: Đối với nhóm gạch ốp lát các loại, nhà thầu cần căn cứ vào hồ sơ thiết kế chi tiết, bao gồm kích thước, chủng loại, vị trí sử dụng... để đề xuất đầy đủ từng loại gạch với thông tin tương ứng, không được chỉ nêu tên chung chung hoặc bỏ sót các chủng loại sử dụng trong công trình.

## **2. Các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình**

### **2.1. Quy trình:**

- Trên cơ sở xem xét các tài liệu thiết kế, thăm quan hiện trường và yêu cầu trong HSMT, bằng kinh nghiệm và năng lực thực tế của mình, nhà thầu phải đưa ra tài liệu thuyết minh, bản vẽ (tổng thể và chi tiết), trình bày đủ và rõ ràng về qui trình, biện pháp kỹ thuật thi công các hạng mục của gói thầu để có thể đáp ứng tốt nhất các yêu cầu về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Nội dung trong phần thuyết minh biện pháp thi công phải nêu được biện pháp tổ chức thi công cho các công việc thuộc gói thầu, cụ thể như:

+ Biện pháp tổ chức thi công công trường như: lán trại, kho bãi, sơ đồ vị trí bố trí thiết bị thi công, tổ chức lao động và các vấn đề tổ chức thi công cần thiết khác; Các biện pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ; Giải pháp đảm bảo giao thông,...

+ Biện pháp thi công các hạng mục xây dựng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt;

+ Biện pháp lắp đặt các hệ thống thiết bị công trình theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt;

Và các biện pháp thi công công tác khác phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và Chỉ dẫn kỹ thuật.

- Việc đưa ra các biện pháp, các kỹ thuật thi công một cách chi tiết, hợp lý và khoa học sẽ là những yếu tố thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình đánh giá xem xét HSMT. Nhà thầu phải lường trước và nêu ra các trường hợp khó khăn có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến việc thi công và dự kiến phương án giải quyết hay đề nghị giải quyết các trường hợp đó.

- Nhà thầu cần phân tích và nêu khả năng có thể xảy ra những sự cố khách quan (bão gió, mất điện, ...) hoặc chủ quan (máy móc hỏng, gây ảnh hưởng tới các nhà dân xung quanh trong quá trình thi công...) và có biện pháp đề phòng rủi ro với công trường để đảm bảo an toàn và thi công đúng tiến độ, chất lượng.

- Trong tổ chức mặt bằng thi công yêu cầu nhà thầu phải có biện pháp thi công để đảm bảo việc thi công không ảnh hưởng đến môi trường, đời sống và các hoạt động chung của khu vực.

## 2.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn thi công và nghiệm thu sử dụng trong gói thầu bao gồm nhưng không giới hạn theo danh mục dưới đây:

TT	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>	
1	Quy chuẩn xây dựng Nhà và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe	QCXDVN 05:2008/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả	QCVN 09:2017/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm bơm nước chữa cháy	QCVN 02:2020/BCA
4	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
5	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia an toàn trong xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng	QCVN 03:2022/BXD
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;	QCVN 06:2022/BXD
9	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện phòng cháy và chữa cháy	QCVN 03:2023/BCA
10	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
11	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2024/BXD
12	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/TCĐBVN
13	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập chung	QCVN 14:2025/BXD
14	Tiêu chuẩn XDVN Nhà và công trình – Nguyên tắc xây dựng cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp	TCXDVN 264:2002

TT	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
	cận sử dụng	
15	Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng.	TCVN 5637:1991
16	Đánh giá chất lượng xây lắp. Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5638:1991
17	Bàn giao công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5640 : 1991
18	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
19	Công tác phòng chống mối cho công trình xây dựng	TCVN 7958:2017
20	Sử dụng máy xây dựng. Yêu cầu chung	TCVN 4087:2012
21	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công	TCVN 4252:2012
22	Dàn giáo- các yêu cầu về an toàn	TCXDVN 296:2004
23	Công tác thi công tòa nhà – Sai số hình học cho phép	TCVN 5593:2012
24	Dung sai trong xây dựng công trình – Phần 1: Nguyên tắc cơ bản để đánh giá và yêu cầu kỹ thuật	TCVN 9259-1:2012
25	Dung sai trong xây dựng công trình – Phần 8: Giám định về kích thước và kiểm tra công tác thi công	TCVN 9259-8:2012
26	Xây dựng công trình – Dung sai – Cách thể hiện độ chính xác kích thước – Nguyên tắc và thuật ngữ	TCVN 9261:2012
27	Dung sai trong xây dựng công trình – Phương pháp đo kiểm công trình và cấu kiện chế sẵn của công trình – Phần 1: Phương pháp và dụng cụ đo	TCVN 9262-1:2012
28	Dung sai trong xây dựng công trình – Phương pháp đo kiểm công trình và cấu kiện chế sẵn của công trình – Phần 2: Vị trí các điểm đo	TCVN 9262-2:2012
29	Nhà và công trình – Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng	TCXDVN 264:2002

TT	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
30	Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan	
<b>II</b>	<b>Các hệ thống kỹ thuật điện, nước, chống sét</b>	
1	Quy phạm trang bị điện.	11TCN18:2006 đến
		11TCN 21:2006
2	Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà.	TCVN 7447
		(bộ tiêu chuẩn)
3	Hệ thống lắp đặt điện hạ áp	TCVN 7447
		(bộ tiêu chuẩn)
4	Cáp điện lực đi ngầm trong đất. Phương pháp lắp đặt	TCVN 7997:2009
5	Đặt đường dây điện trong nhà ở và công trình công cộng.	TCVN 9027:2012
6	Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng.	TCVN 9206:2012
7	Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
		(BS 6651:1999)
8	Hệ thống cấp thoát nước - Quy phạm quản lý kỹ thuật.	TCVN 5576:1991
9	Quy trình quản lý kỹ thuật trong vận hành hệ thống cung cấp nước.	TCXD 76:1979
10	Ống polyvinyl clorua cứng (PVC-U) dùng để cấp nước – Hướng dẫn thực hành lắp đặt	TCVN 6250:1997
11	Các môi nối tiếp xúc điện – Quy tắc nghiệm thu và phương pháp thử	TCVN 3624:1981
12	Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong – Nguyên tắc cơ bản.	TCVN 5639:1991
13	Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công	TCVN 4519:1988
	trình – Quy phạm thi công và nghiệm thu.	
14	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT

<b>TT</b>	<b>Loại công tác</b>	<b>Quy chuẩn, tiêu chuẩn</b>
15	Hàn điện - Yêu cầu chung về an toàn	TCVN 3146:1986
16	Kiểm định trang thiết bị hệ thống điện.	QCVN QTĐ-5:2009/BCT
17	Vận hành sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện.	QCVN QTĐ-6:2009/BCT
18	Tiêu chuẩn Việt Nam về Chiếu sáng nhân tạo, phương pháp đo độ rọi.	TCVN 5176:1990
19	Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam về Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.	TCVN 333:2005
20	Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà - Phần 5-53: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện - Cách li, đóng cắt và điều khiển.	TCVN 7447-5-53:2005
		(IEC 60364-5-53:2002):
21	Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 441: Bảo vệ an toàn- Bảo vệ chống điện giật.	TCVN 7447-4-41: 2010
		(IEC 60364-4-41:2005)
22	Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà- Phần 4-43: Bảo vệ an toàn Bảo vệ chống quá dòng.	TCVN 7447-4-43:2010
		(IEC 60364-4-43:2005)
23	Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 5-51: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện - Quy tắc chung	TCVN 7447-5-51:2010
		(IEC 60364-5-51:2005)
24	Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 4-42: Bảo vệ an toàn - Bảo vệ chống các tình huống nhiệt.	TCVN 7447-4-42:2015
		(IEC 60364-4-42:2010)
25	Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 5-54: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện - Bố trí nối đất và dây bảo vệ.	TCVN 7447-5-54:2015
		(IEC 60364-5-53:2011)
26	Tiêu chuẩn quốc gia về quy phạm nối đất các thiết bị điện.	TCVN 4756:1989
27	Quy chuẩn hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình;	QCCTN: 2000
28	Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng cấp và thoát nước, mạng	TCVN 3989:2012

TT	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
	lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công,	
29	Tiêu chuẩn quốc gia về Thoát nước - Thuật ngữ và định nghĩa.	TCVN 4038: 2012
<b>III</b>	<b>Công tác hoàn thiện (xây, trát, ốp, lát, sơn,..)</b>	
1	Kết cấu gạch đá. Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4085:2011
2	Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng	TCVN 4459:1987
3	Vữa xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật - Vữa dán gạch ốp lát – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 4314:2003
		TCXD VN336:2005
4	Tiêu chuẩn quốc gia về Xi măng xây trát	TCVN 9202:2012
5	Tiêu chuẩn quốc gia về Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
6	Sơn tường – Sơn nhũ tương – Phương pháp xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn - Công việc sơn. Yêu cầu chung về an toàn	TCVN 9405: 2012
		TCVN 2292:1978
7	Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Công tác lát và láng trong xây dựng	TCVN 9377-1:2012
8	Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Công tác trát trong xây dựng	TCVN 9377-2:2012
9	Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Thi công và nghiệm thu - Phần 3: Công tác ốp trong xây dựng	TCVN 9377-3:2012
10	Cửa đi. Cửa sổ - Phần 1: Cửa gỗ	TCVN 9366-1:2012
	Cửa đi. Cửa sổ - Phần 2: Cửa kim loại	TCVN 9366-2:2012
11	Hoàn thiện mặt bằng xây dựng - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4516:1988
<b>IV</b>	<b>Hệ thống điều hòa không khí, thông gió</b>	
1	Thông gió và điều hòa không khí - Yêu cầu lắp đặt đường ống và nghiệm thu hệ thống	TCVN 13581:2023
2	Thông gió và điều hòa không khí - Yêu cầu	TCVN 5687:2024

TT	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
	thiết kế	
3	Tiêu chuẩn Việt Nam về Âm học - mức ồn cho phép tại các vị trí làm việc	TCVN 3985:1999
4	Mức ồn cho phép trong công trình công cộng	TCXD 175:2005
	<b>Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thi công khác có liên quan</b>	

Trường hợp Nhà thầu nhận thấy các tiêu chuẩn về thi công, nghiệm thu nêu tại bảng trên không phù hợp, Nhà thầu được phép đề xuất các tiêu chuẩn áp dụng khác nhưng phải đáp bảo các tiêu chuẩn đó tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý dự án; quản lý chất lượng; quản lý chi phí xây dựng công trình và phù hợp với đặc điểm, tính chất của công trình. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn nêu trên được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn sửa đổi, bổ sung, thay thế.

### **2.3. Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát**

#### **a. Yêu cầu chung:**

Nhà thầu phải thi công, hoàn thiện công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình theo đúng thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành của Việt Nam cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của công trình và theo sự chỉ dẫn của cán bộ giám sát. Bên B phải tuân thủ và làm đúng, đủ các chỉ dẫn của cán bộ giám sát về mọi vấn đề có nêu hay không nêu trong hợp đồng.

Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an ninh, an toàn của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình và trong giai đoạn bảo hành, bên B phải:

- Quan tâm đầy đủ đến sức khỏe an toàn của người lao động trên công trường. Đảm bảo trật tự an toàn cho công trình không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

- Bằng mọi biện pháp hợp lý, bên B phải bảo vệ môi trường ở trong và ngoài công trường nhằm tránh gây thiệt hại về tài sản, người ở công trường và khu vực lân cận.

- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc an ninh, bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thi công công trình kể từ ngày khởi công công trình đến ngày cấp giấy chứng nhận nghiệm thu bàn giao công trình.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì bên B phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính chi phí của mình.

- Cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế đưa

vào thi công công trình.

- Tổ chức thực hiện thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành công trình đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Cung cấp những cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, trợ lý kỹ thuật lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của bên B theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện ở công trường trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu bên A nhận thấy không thể chấp nhận những đại diện của bên B mà theo ý kiến của bên A người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực hay không thực hiện đúng đắn nhiệm vụ thì bên B không được phép cho người đó làm việc ở công trường nữa và phải thay thế trong thời gian do bên A ấn định.

- Bên B phải báo cáo các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài thuộc phạm vi của công trường. Trong trường hợp có tai nạn lao động nghiêm trọng, hoặc chết người, bên B phải báo cáo với bên A và các đơn vị chức năng có trách nhiệm ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Sau khi thi công hoàn thiện công trình và trước khi nghiệm thu công trình, bên B phải thu dọn, san lấp hoàn trả hiện trường và làm cho khu vực bên trong và bên ngoài thuộc phạm vi công trường được sạch sẽ.

- Bên B chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của bên A và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

#### b. Giám sát thi công

Giám sát kỹ thuật công trình có quyền bất cứ lúc nào cũng được tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra công tác của Nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ giám sát kỹ thuật công trình trong công tác trên.

Toàn bộ vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm sản xuất sử dụng cho công trình chỉ được đưa vào công trình sau khi có văn bản nghiệm thu của giám sát kỹ thuật công trình. Mọi vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm sử dụng cho công trình không được giám sát kỹ thuật chấp nhận phải chuyển khỏi phạm vi công trường.

Khi phát hiện những bất hợp lý trong thiết kế thi công có thể gây tổn hại tới công trình hoặc thiệt hại vật chất cho bên mời thầu thì nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và tổ chức thiết kế để có biện pháp xử lý.

Mọi vật tư thay thế chất lượng tương đương phải có chứng chỉ của nhà sản xuất và phải được tổ chức thiết kế, bên mời thầu cho phép bằng văn bản mới được đưa vào công trường.

Các phần khuất của công trình trước khi lấp phải có biên bản nghiệm thu. Nếu không tuân theo những quy định trên thì mọi tổn thất phục hồi công trình do nhà thầu chịu.

Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời đình chỉ hoặc hoãn thi công không được

đòi hỏi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và chủ đầu tư trong những trường hợp sau:

- Do lý do chất lượng thi công công trình, an ninh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Do nguyên nhân thời tiết khí hậu.

- Và các trường hợp khác do pháp luật quy định.

#### **2.4. Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt**

Trình tự thi công lắp đặt theo yêu cầu tại hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công, chỉ dẫn kỹ thuật, các quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành.

#### **2.5. Yêu cầu về vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ**

a. Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn và thu dọn hiện trường; nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

Người đề xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

b. Nhà thầu phải tuân thủ các quy định hiện hành về phòng chống cháy nổ.

#### **2.6. Yêu cầu về an toàn lao động**

Nhà thầu thi công phải có trách nhiệm:

a. Lập biện pháp thi công, trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình. Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra thực tế các diễn biến trên công trường để điều chỉnh biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động cho phù hợp.

b. Tuyển chọn và bố trí người lao động kỹ thuật trên công trường đúng chuyên môn được đào tạo, đủ năng lực hành nghề, đủ sức khỏe theo quy định của pháp luật. Đồng thời cung cấp đầy đủ các trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

c. Thành lập mạng lưới và bộ phận quản lý công tác an toàn lao động trên công trường; đồng thời quy định cụ thể công việc thực hiện và trách nhiệm đối với những cá nhân quản lý công tác an toàn lao động trong quá trình thi công.

d. Tổ chức tập huấn và huấn luyện về an toàn cho đội ngũ làm công tác an toàn và người lao động thuộc quyền quản lý theo quy định.

e. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn lao động theo biện pháp đã được phê duyệt, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan.

f. Chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư khắc phục hậu quả, khai báo, điều tra, lập biên bản khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, tai nạn lao động trên công trường.

g. Thực hiện công tác kiểm định, đăng ký (nếu có), bảo dưỡng máy và thiết bị nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và công trình theo quy định.

Người làm công tác an toàn của nhà thầu có trách nhiệm:

- Người làm công tác an toàn thực hiện chế độ kiểm tra hàng ngày trên công trường theo quy định của nhà thầu. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện thấy các vi phạm về an toàn lao động hoặc các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động thì tạm dừng thi công công việc đó, đồng thời báo cáo trực tiếp nhà thầu để xem xét xử lý hoặc yêu cầu người trực tiếp phụ trách bộ phận đó đình chỉ thi công để có các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và công trình, sau đó báo cáo người chỉ huy công trường.

- Người làm công tác an toàn hoặc cán bộ kỹ thuật của nhà thầu phải giám sát liên tục công tác an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng công trình

### ***2.7. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công***

Yêu cầu chung:

- Huy động nhân lực và thiết bị thi công phải phù hợp với biện pháp thi công và tiến độ đề xuất.

- Nhân lực và thiết bị phục vụ thi công phải do nhà thầu quản lý và điều hành. Nhân lực của nhà thầu ra vào công trường phải theo đúng danh sách gửi cho Chủ đầu tư.

- Nhân lực phải tham gia thi công trực tiếp phải được đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

### ***2.8. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục***

Biện pháp tổ chức thi công của Nhà thầu lập ra phải đảm bảo an toàn cho các công trình tiếp giáp khu đất xây dựng. Mọi hư hỏng, sự cố, mất an toàn cho khu vực lân cận Nhà thầu phải chịu mọi trách nhiệm bằng nguồn tài chính của mình.

Biện pháp được lập phải đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc.

### ***2.9. Yêu cầu về hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu***

a. Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng phải được

trình bày, thuyết minh ngay trong hồ sơ dự thầu và phải được thông báo cho chủ đầu tư biết trước khi thi công xây dựng.

b. Tài liệu thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng phải thể hiện rõ nội dung:

Sơ đồ tổ chức các bộ phận, cá nhân của nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô của công trường xây dựng; quyền và nghĩa vụ của các bộ phận, cá nhân này trong công tác quản lý chất lượng công trình.

Kế hoạch và phương thức kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng công trình bao gồm:

- Kiểm soát và đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình.

- Kiểm soát và đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn công tác thi công xây dựng.

- Hình thức giám sát, quản lý chất lượng nội bộ và tổ chức nghiệm thu nội bộ.

- Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng; quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế.

Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thi công xây dựng, nghiệm thu; hình thức và nội dung nhật ký thi công xây dựng công trình; quy trình và hình thức báo cáo nội bộ, báo cáo chủ đầu tư; phát hành và xử lý các văn bản thông báo ý kiến của nhà thầu thi công xây dựng, kiến nghị và khiếu nại với chủ đầu tư và với các bên có liên quan.

#### **IV . Các bản vẽ**

Các bản vẽ thiết kế, thuyết minh thiết kế được đính kèm cùng E-HSMT.